

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/DS-ST;
Ngày: 18-7-2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Nguyễn Văn Trình.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2023/TLST-DS về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐST-DS ngày 05/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn H, sinh năm: 1963. Địa chỉ: đường N, phường N, quận Tân Phú, tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Quốc V, sinh năm: 1983 và bà Lưu Thị Ánh T, sinh năm: 1983. Địa chỉ thường trú: tổ 13, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Địa chỉ: đường T, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Ông V có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

Vợ ông H với ông Lê Quốc V là chị em con bạn dì. Khoảng tháng 12/2016, vợ chồng bà T - ông V vào nhà ông thăm và kể chuyện đang làm công việc đào hạn ngân hàng ở Đà Nẵng. Do có giám đốc một ngân hàng lớn ưu ái nâng đỡ nên công việc đào hạn ngân hàng gặp thuận lợi. Bà T hỏi vay ông H số tiền với mục đích đào hạn ngân hàng. Do tin tưởng nên ông H đồng ý cho mượn tiền với lãi suất thỏa thuận

từ 2-2,5% một tháng, căn cứ vào số tiền vay cuối kỳ. Theo thỏa thuận ngày 15 hàng tháng, bà T tự tính lãi và chuyển trả tiền lãi hàng tháng cho ông qua ngân hàng. Do tin tưởng nhau nên việc vay mượn không lập hợp đồng vay tiền. Ông bà trả lãi cho ông H đến ngày 15/10/2019 thì ngưng không trả nữa. Ông H cho vợ chồng bà T – ông V vay tổng cộng 14 lần chuyển qua ngân hàng với tổng số tiền 4.900.000.000 đồng.

Ngày 06/5/2020, ông V có viết Cam kết thể hiện việc ông V có vay của ông H từ năm 2017 đến 2019 tổng số tiền 4.900.000.000 đồng và chậm nhất đến ngày 31/12/2021 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền vay. Ngày 12/01/2021, bà Lưu Thị Ánh T có viết giấy cam kết sau khi bán được nhà sẽ hoàn trả số tiền vay cho ông Đoàn H. Ngày 24/8/2022, ông V bà T đã trả cho ông H số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Cho đến nay bà T và ông V còn nợ ông H số tiền gốc là 4.850.000.000 đồng. Do đó, ông H đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 4.850.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng (tương đương với 19,92%/năm), tạm tính từ ngày 15/10/2019 đến 15/05/2023 là 3.490.150.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu thanh toán là: 8.340.150.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đoàn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 4.850.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng (tương đương với 19,92%/năm), tạm tính từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/7/2023 là 3.651.170.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu thanh toán là: 8.501.170.000 đồng

*** Tại các biên bản hòa giải, bị đơn ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T trình bày:**

Ông bà thừa nhận trong giai đoạn từ năm 2017 đến 2019 có nhận của ông H số tiền là 4.900.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng như ông H yêu cầu. Mục đích vay mượn tiền là để làm ăn kinh doanh. Do ông bà và vợ ông H là bà con nên việc vay mượn không có viết giấy tờ. Ngày 06/5/2020, do công việc kinh doanh gặp rủi ro và không có khả năng thanh toán nợ nên ông V có viết giấy cam kết, hứa trả tiền cho ông H vào ngày 31/12/2021 với số tiền 4.900.000.000 đồng. Sau đó, ông bà có trả thêm cho ông H số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, ông bà đồng ý số tiền gốc còn nợ là 4.850.000.000 đồng. Về số tiền lãi mà ông H yêu cầu là 3.490.150.000 đồng (tiền lãi từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/05/2023) tương đương với lãi suất 20%/năm, ông V không đồng ý vì ông cho rằng tại cam kết ngày 06/5/2020, ông thừa nhận còn nợ ông H số tiền 4.900.000.000 đồng và cam kết sẽ thanh toán số tiền trên vào ngày 31/12/2021, không có thỏa thuận về vấn đề lãi nên ông yêu cầu tính lãi chậm trả theo

quy định của Bộ luật Dân sự. Hiện nay ông bà rất khó khăn về tài chính nên không có khả năng thanh toán cho ông H số tiền trên được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Giữa ông Đoàn H và bị đơn ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền. Giữa các bên mặc dù không xác lập hợp đồng nhưng đều thừa nhận việc vay mượn tiền; đồng thời ông V bà T cũng viết cam kết trả tiền cho ông H. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và yêu cầu tính lãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS, HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T có địa chỉ thường trú tại: đường T, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn bà Lưu Thị Ánh T. Tuy nhiên, bà T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn H đối với số tiền gốc 4.850.000.000 đồng

Do mối quan hệ quen biết, ông Đoàn H cho ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T vay tiền với mục đích làm ăn kinh doanh. Quá trình vay tiền, ông H đã nhiều lần chuyển tiền cho ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T theo các sao kê Ngân hàng do ông H xuất trình là 4.900.000.000 đồng. Đồng thời, ông V đã viết cam kết thanh toán số tiền trên cho ông H. Điều này đã được bị đơn ông V và bà T thừa nhận thông qua các biên bản hòa giải. Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng vay các bên đã giao kết mặc dù có có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 119 và 463 BLDS nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ngày 06/5/2020, do công việc kinh doanh gặp rủi ro và không có khả năng thanh toán nợ nên ông V có viết giấy cam kết, hứa trả tiền cho ông H vào ngày 31/12/2021 với số tiền 4.900.000.000 đồng. Ngày 24/8/2022, ông V bà T đã trả cho

ông H số tiền gốc là 50.000.000 đồng và đến nay, số tiền vay của ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T với ông Đoàn H còn 4.850.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T thừa nhận còn nợ tiền ông Đoàn H số tiền nợ gốc là 4.850.000.000 đồng như đơn khởi kiện nhưng do ông bà gặp khó khăn nên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đoàn H được.

Xét thấy, ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T đã vi phạm nghĩa vụ đối với ông Đoàn H nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 469 BLDS và Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn H số tiền 4.850.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn H đối với số tiền lãi theo lãi suất 1,66%/ tháng (tương đương với lãi suất 19,92%/năm) từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/7/2023 là: 3.651.170.000

Ngày 06/5/2020, ông V có viết Cam kết thể hiện việc ông V có vay của ông H từ năm 2017 đến 2019 tổng số tiền 4.900.000.000 đồng và chậm nhất đến ngày 31/12/2021 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền vay. Ngày 24/8/2022, ông V bà T đã trả cho ông H số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Cho đến nay bà T và ông V còn nợ ông H số tiền gốc là 4.850.000.000 đồng. Do đó, ông H đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 4.850.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng (tương đương với 19,92%/năm), tạm tính từ ngày 15/10/2019 đến 15/7/2023 là 3.651.170.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu thanh toán là: 8.501.170.000 đồng.

Căn cứ vào Giấy cam kết ngày 06/5/2020 thì ông V chỉ cam kết thanh toán số tiền 4.900.000.000 đồng vào ngày 31/12/2021 và không có thỏa thuận về lãi. Do đó, HĐXX xác định đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không tính lãi.

Căn cứ khoản 4 Điều 466 BLDS: *Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.* Do đó, yêu cầu của ông Đoàn H buộc ông V, bà Ánh phải thanh toán số tiền nợ theo lãi suất 1,66%/tháng (tương đương với 19,92%/năm), tạm tính từ ngày 15/10/2019 đến 15/7/2023 là 3.651.170.000 đồng là không phù hợp với quy định pháp luật.

Do đây là hợp đồng vay không lãi suất và có kỳ hạn trả nợ là ngày 31/12/2021 nên HĐXX áp dụng mức lãi suất chậm trả là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 4 Điều 466 BLDS và tính lại tiền lãi như sau:

4.900.000.000 đồng x 10%/năm : 365 ngày x 236 ngày (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/8/2022) + 4.850.000.000 đồng x 10%/năm : 365 ngày x 325 ngày (25/8/2022 đến ngày 15/7/2023) = 748.671.232 đồng.

Từ nhận định trên, HĐXX chấp nhận một phần đối với yêu cầu tính lãi của ông Đoàn H, xác định buộc ông V, bà Ánh phải thanh toán cho ông Đoàn H số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 31/12/2021 đến ngày 15/7/2023 theo lãi suất 10%/năm là 748.671.232 đồng; không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn H đối với số tiền lãi là 2.902.498.768 đồng

[7] Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận một phần đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn H, buộc ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn H số tiền còn nợ là 4.850.000.000 đồng và thanh toán cho ông Đoàn H số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 31/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/7/2023 theo lãi suất 10%/năm là 748.671.232 đồng; không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn H đối với số tiền lãi là 2.902.498.768 đồng. Tổng số tiền ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T phải thanh toán là 5.598.671.232 đồng.

[8] Về án phí: Bị đơn ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 119, 463, Điều 466 và 469 BLDS năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272, 273 của BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn H đối với ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T .

Buộc ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn H số tiền đã vay là 5.598.671.232 đồng, trong đó số tiền còn nợ là 4.850.000.000 đồng và thanh toán cho ông Đoàn H số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 31/12/2021 đến ngày 15/7/2023 theo lãi suất 10%/năm là 748.671.232 đồng.

Kể từ ngày ông Đoàn H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn H buộc ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T thanh toán số tiền lãi là: 2.902.498.768 đồng.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Quốc V và bà Lưu Thị Ánh T phải chịu 113.598.671 đồng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Hiếu

Nguyễn Văn Trình

Nguyễn Hữu Hưng